TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tranh chấp về cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quang Vinh.

2. Ông Hà Văn Kim.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị L, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C1, huyện C2, tỉnh Lạng Sơn; hộ khẩu tạm trú: Thôn T, xã V, huyện C2, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C1, huyện C2, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị L trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Hoàng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyên, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C1, huyện C2, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 29 tháng 6 năm 2009. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống, mức thu nhập một tháng của chị chỉ được khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ, nhưng Anh Hoàng Văn S yêu cầu chị đóng góp 20.000.000đ, chị không có đủ khả năng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí Anh Hoàng Văn S còn đánh chị, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với Anh Hoàng Văn S nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung, cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2013. Do chị không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con nên khi ly hôn Anh Hoàng Văn S được trực tiếp nuôi con và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Tại bản tự khai, các lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn S trình bày: Quá trình tìm hiểu rồi đi đến kết hôn như chị Chu Thị L trình bày là đúng. Anh thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Chu Thị L đi làm ở Công ty, không quan tâm đến gia đình con cái, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Chu Thị L không nghe dẫn đến vợ chồng xẩy ra cãi nhau và đã có lần anh tát chị Chu Thị L nhưng anh vẫn còn tình cảm và muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tuy nhiên tại phiên toà anh đồng ý ly hôn với Chị Chu Thị L và sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Trung Kiên và yêu cầu Chị Chu Thị L cấp dưỡng nuôi con một lần đến khi con đủ 18 tuổi, với mức mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự thụ lý vụ án đúng thẩm quyền về lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách những người tham gia tố tụng; quan hệ tranh chấp; thu thập tài liệu, chứng cứ; thời hạn giải quyết; thành phần Hội đồng xét xử; trình tự thủ tục, tranh tụng tại phiên tòa và không có kiến nghị gì. Về giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ vợ chồng, cụ thể: Xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn S; Anh Hoàng Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Trung K, đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Chu Thị L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Chu Thị L giao nộp chứng cứ cho Toà án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ tuỳ thân, giấy khai sinh của con chung; giấy xác nhận thu nhập. Anh Hoàng Văn S giao nộp cho Tòa án bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2019; đơn đề nghị.

Về tình tiết của vụ án, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất: Chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn S tự nguyện thuận tình ly hôn, thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con và về tài sản chung. Các đương sự không thống nhất được về mức cấp dưỡng nuôi con và phương thức cấp dưỡng; chị Chu Thị L đưa ra căn cứ mức thu nhập, không có tài sản riêng nên không đủ điều kiện để

cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của anh Hoàng Văn S; Anh Hoàng Văn S cho rằng chị Chu Thị L đi làm công ty được vài năm rồi thì sẽ tích góp được một khoản tiền nhất định nên phải cấp dưỡng một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án cần giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tranh chấp về cấp dưỡng" theo quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn S kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C1, huyện C2, tỉnh Lạng Sơn nên hôn nhân là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã và nghi ngờ nhau, anh chị đã không còn sống chung từ tháng 3 năm 2019, việc này đã đươc chị L, anh S xác nhận. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn S đã xảy ra trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn S tự nguyện thoả thuận ly hôn là có căn cứ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thoả thuận này.

[3] Về con chung: Xác định chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn S có 01 con chung là cháu Hoàng Trung K và khi ly hôn Anh Hoàng Văn S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, sự thỏa thuận này là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, chị Chu Thị L không có nghề nghiệp ổn định, phải đi làm công nhân tại các Công ty ở tỉnh khác, thu nhập không ổn định, mỗi tháng khoảng 5.000.000đ và không có nghề nghiệp, tài sản riêng gì khác, việc này đã được các đương sự xác nhận nên anh Hoàng Văn S yêu cầu chị Chu Thị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ và cấp dưỡng một lần đến khi con đủ 18 tuổi là quá khả năng thực tế về điều kiện kinh tế của chị Chu Thị L. Căn cứ vào nghề nghiệp, mức thu nhập hiện tại của chị Chu Thị L thì về mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng và phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng theo yêu cầu của chị Chu Thị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Chu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51; các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn S.

2- Về con chung: Anh Hoàng Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2013, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Hoàng Trung K đủ 18 tuổi, chị Chu Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ, mức và phương thức cấp dưỡng: Chị Chu Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Trung K, định kỳ hàng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Hoàng Trung K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày án có hiệu lực và anh Hoàng Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Chu Thị L không thi hành, thì hàng tháng chị Chu Thị L còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3- Về tài sản chung: Không có

4- Về án phí: Chị Chu Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng số tiền án phí chị Chu Thị L phải nộp là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Chu Thị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04972 ngày 02/7/2019. Chị Chu Thị L còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHADS huyện Chi Lăng;
- UBND xã C1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hương Giang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Quang Vinh **Hà Văn Kim** **Trương Thị Hương Giang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHADS huyện Chi Lăng;
- Đương sự;
- UBND xã Chiến Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA